

TRƯƠNG VĨNH KÝ – “THẦY NHO” CỦA NAM KỲ CUỐI THẾ KỶ XIX - ĐẦU THẾ KỶ XX

LƯU HỒNG SƠN*

Trương Vĩnh Ký (1837 - 1898) là một trí thức tiêu biểu ở Nam Bộ cuối thế kỷ XIX. Ông kiêm nhiều việc: thông ngôn, giảng dạy, làm báo, biên khảo và ở lĩnh vực nào cũng đạt được thành tựu đáng ghi nhận. Riêng với việc giảng dạy, Trương Vĩnh Ký chủ trương theo lối giáo dục mới kết hợp giữa phương pháp truyền thống và phương pháp Tây phương hiện đại, chú trọng đến việc gìn giữ và phát huy các giá trị luân lý đạo đức Đông phương. Một trong những cách thức để Trương Vĩnh Ký thực hiện chủ trương giáo dục này là nỗ lực truyền dạy chữ Nho, bởi ông xem đó là một phương tiện quan trọng để con người phát triển theo thời đại mới nhưng vẫn không bị chia cắt khỏi các giá trị truyền thống. Tinh thần và phương pháp giáo dục của ông được nhiều trí thức đương thời ủng hộ và kế thừa.

Từ khóa: Trương Vĩnh Ký, Nho học, Nam Bộ

Nhận bài ngày: 10/1/2020; đưa vào biên tập: 15/2/2020; phản biện: 6/5/2020; duyệt đăng: 24/6/2020

1. DẪN NHẬP

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, văn minh phương Tây thâm nhập Việt Nam theo chân những người viễn chinh Pháp; các chính sách thực dân được thiết lập, thi hành đã làm đảo lộn toàn bộ đời sống người dân nước ta. Nho học Việt Nam bước vào giai đoạn suy tàn và chuẩn bị kết thúc vai trò chi phối xã hội như suốt nghìn năm trước

đó. Trước cơn lốc “Tân học”, “Tây học”, các nhà Nho phải nỗ lực tự đổi mới cho phù hợp với tình hình thực tế, bởi không ai khác, chính họ là những người phải nhận lãnh trách nhiệm cải cách nền giáo dục của đất nước. Trong giai đoạn giao thời giữa giáo dục cũ và giáo dục mới, chữ Pháp, chữ quốc ngữ thay thế vai trò của chữ Hán, chữ Nôm theo một xu thế triệt tiêu rõ ràng. Đến cuối thế kỷ XIX, nhất là bước qua đầu thế kỷ XX, chữ Nho cũng đã đánh mất vai trò là văn tự

* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai.

chính thức trong giáo dục Việt Nam mà chủ yếu chỉ là giúp cho việc chuyển giao từ văn tự Hán Nôm sang văn tự chữ quốc ngữ. Việc dạy và học chữ Nho lúc này được xem là một giải pháp tạm thời giúp cho việc học chữ quốc ngữ hiệu quả hơn. Như vậy, để có bức tranh toàn diện về chữ viết và giáo dục Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX thì chữ Nho cùng vai trò của các nhà Nho trong bối cảnh lịch sử - xã hội giai đoạn giao thời giữa hai thế kỷ thực sự là một vấn đề đáng được quan tâm nghiên cứu.

Trương Vĩnh Ký tự nhận mình “sinh phùng quý vận 生逢季運” (Hồ sơ Trương Vĩnh Ký, tập 1), nghĩa là biết mình đang ở vào thời kỳ Nho giáo và chế độ phong kiến lụi tàn không thể cứu vãn. Đứng trước những biến động lớn lao của thời cuộc, trong tư cách một thầy thông thạo bác nhiều ngôn ngữ cả Đông lẫn Tây, trên dạy cho vua quan người Nam lẫn người Pháp, dưới dạy cho dân chúng trong xóm trong làng theo những nhu cầu khác nhau, Trương Vĩnh Ký đã tìm cho mình quan điểm giáo dục, phương pháp giảng dạy và hệ giáo trình thích hợp; trong đó chữ Nho cũng là một môn ông không thể tránh né. Bản thân Trương Vĩnh Ký trước khi tiếp xúc với Tây học, đã khai tâm vỡ lòng bằng Nho học lúc 5-8 tuổi. Khi trở thành một “thầy Nho”, ông đã viết ra nhiều tài liệu, giáo trình có chất lượng phục vụ cho việc giảng dạy của mình và đáp ứng nhu cầu học qua sách của mọi người. Trong phạm vi bài viết,

chúng tôi xin giới thiệu một số phương pháp và tài liệu, giáo trình Trương Vĩnh Ký đã thiết kế và ứng dụng vào thực tiễn giảng dạy chữ Nho của ông.

2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CỦA TRƯƠNG VĨNH KÝ

Chữ Hán là loại văn tự khó học ngay từ cách viết và cách ghi nhớ mặt chữ cho đến việc hiểu nghĩa lý sâu xa hàm ẩn sau các chữ, các câu. Bên cạnh chữ Hán, Việt Nam lại có chữ Nôm để ghi âm tiếng Việt, sự rắc rối phức tạp này cũng khiến người học thêm khó khăn, dẫn đến việc học có khi không những “chả vui tí nào”, mà còn trở thành nỗi sợ hãi, “cái khổ” ngay từ những bài học vỡ lòng (Đặng Thai Mai, 1985: 176-177).

Trương Vĩnh Ký từng trải qua những năm tháng học “chữ thánh hiền” như vậy, nên ông hẳn nhiên thấu hiểu được những khó khăn của người học. Sau này khi trở thành thầy giáo, ông đã nỗ lực tìm một phương pháp dạy chữ Nho cho người mới bắt đầu học một cách nhẹ nhàng dễ tiếp thu mà vẫn mang lại hiệu quả tốt. Điều cốt yếu trong việc dạy và học theo Trương Vĩnh Ký, là phải làm cho người học cảm thấy hứng thú với chuyện học hành, vì thế ông đã đi theo phương pháp “học mà chơi, chơi mà học”, “đổi thoại”, “hỏi - đáp”. Đối với việc học chữ quốc ngữ, Trương Vĩnh Ký sưu tầm các truyện kể dân gian (bao gồm ngụ ngôn, truyện cười), tục ngữ ca dao, các bài hát, phiên âm ra quốc ngữ những tác phẩm văn chương kinh điển như *Truyện Kiều*,

Lục Vân Tiên, Phan Trần làm tư liệu học tập; đối với việc học chữ Hán, ông dịch và chú giải bằng quốc ngữ chi tiết rõ ràng, trình bày khoa học, in ấn kỹ lưỡng và chú ý đến thẩm mỹ, giúp người học hiểu dễ dàng hơn.

Trương Vĩnh Ký là người quan tâm tìm cách kết hợp dung hòa hai phương pháp giáo dục Á - Âu để đạt hiệu quả cao nhất. Trong một thảo luận về vấn đề này ở cuộc gặp gỡ tại thư viện với nhiều người trong Hội Á Châu, Trương Vĩnh Ký được đề nghị trình bày về “phương pháp” cùng những “tài liệu giáo huấn” “thâm thúy và cao sâu” “trong lịch sử Đông phương”, ông đã nói một cách “đầy vẻ tự tin và hăm hở vô cùng”: “Trong phương pháp dục thiếu nhi của Đông phương luôn luôn chú trọng đến Hứng Khởi” và ông trích một vài câu trong sách *Minh đạo gia huấn* của Trình Hiệu [Hạo] “đã được phổ thông trong các trường trung học ở Trung Hoa và Việt Nam từ xưa” để minh chứng⁽¹⁾.

Cái hay về mặt hình thức của loại giáo trình này, theo Trương Vĩnh Ký, nằm ở “những câu văn đối đáp nhau chặt chẽ, vận dụng âm điệu và nhứt là nhờ cú pháp ngắn, cho nên ai ai cũng ham học, ham hiểu”. Ông lại so sánh chúng với thơ ngụ ngôn của La Fontaine và thấy rằng một đàn ông thì “nhắm về lối hứng thú hoạt kê cùng những mẫu sanh hoạt của loài vật để nhơn cách hóa lên”, một đàn ông “thì có tánh chất cách ngôn và cơ trí hơn”. Tóm lại, theo Trương Vĩnh Ký, phương pháp của Âu như ngụ ngôn La Fontaine và

phương pháp của Á như *Minh đạo gia huấn* “mỗi loại có một tánh chất riêng biệt”, trong đó nhấn mạnh ưu thế của phương pháp giáo dục phương Đông qua trường hợp sách *Minh đạo gia huấn*: “khéo léo”, “độc đáo”, “dầu khò khan nguyên tắc thật đầy nhưng vẫn được con em học sanh thích thú vô cùng, vì âm điệu, bút pháp đẹp đẽ và êm đềm linh động, uyển chuyển đặc biệt của nó”. Ông còn cho rằng, khi nói về hai phương thức giáo dục Á - Âu, chúng ta “cũng đừng nên so sánh quá gò bó”, bởi “hai tác phẩm có hai dụng ý không giống nhau”.

Điều này chứng tỏ, theo Trương Vĩnh Ký, vấn đề học sinh chán học căn bản không phải đều do ở giáo trình, mà là ở phương pháp giảng dạy của người thầy. Tuy nhiên, qua việc so sánh trên, ông cũng cho thấy những hạn chế lớn nhất của giáo trình chữ Nho là “khô khan”, “nguyên tắc”, đồng thời thấy được lợi thế của giáo trình phương Tây trong việc chú ý “lối hứng thú hoạt kê cùng những mẫu sanh hoạt của loài vật để nhơn cách hóa lên”. Nhận thức như vậy, Trương Vĩnh Ký đã cố gắng tìm kiếm một phương pháp giáo dục kết hợp điểm mạnh của hai phương pháp thuộc hai nền văn minh khác nhau để phát huy các điểm mạnh và hạn chế các điểm yếu trong giáo trình phương Đông⁽²⁾.

Đọc lời giới thiệu ra mắt học báo *Thông loại khóa trình* (1888) của Trương Vĩnh Ký sẽ giúp chúng ta thấy rõ hơn tính chất phương pháp luận của ông trong giáo dục: “Coi sách dạy lăm, nó cũng

nhàm; nên phải có cái chi vui pha vào một hai khi, nó mới thú. Vậy ta tính làm ra một tháng đôi ba kỳ, một tập mỏng mỏng nói chuyện sang đàng, chuyện tam hoàng quốc chí, phá phách lộn lạo xào bần để cho học trò coi chơi cho vui. Mà chẳng phải là chơi không vô ích đâu: cũng là những chuyện con người ta ở đời nên biết cả”. Trương Vĩnh Ký đã tìm cách mượn phương pháp “hoạt kê” (farce) chú trọng hứng thú hài hước vui vẻ trong giáo dục của phương Tây, chú ý khai phá tiềm năng và tính chủ động của người học để giảm thiểu tính khô khan, nguyên tắc trong phương pháp sư phạm chuyên chú vào kinh điển và đề cao lễ nghĩa của phương Đông. Điều này gần với phương pháp “học vui - vui học”, “học mà chơi, chơi mà học” hiện nay.

Phương pháp dạy học của Trương Vĩnh Ký được ông phổ biến rộng rãi trong sách *Manuel des écoles primaires* (Sổ tay tiểu học) in năm 1877. Ở mục “Cách dạy”, Trương Vĩnh Ký viết: “Học trò nào mới vô thì phóng vở theo đã ra trước này, giao cho nó, cấp cho một trò cũ đã biết rõ mà nhắc biểu chỉ vẽ cho nó. Phân lớp ra mà dạy cho dễ: Như học trò đã biết viết, biết đọc thì bắt nó viết mò, bắt đọc một đoạn sách cho lẹ cho xuôi. Viết mò thì lấy những tuồng, vãn, thơ, phú mà nói cho nó viết, viết rồi thì thầy coi mà sửa lại cho nó, cho chính câu chính chữ. Còn mỗi bữa học, bắt nó kiếm câu hát, câu đối, lời phương ngôn tục ngữ, diêu ngôn vân vân, mà viết ra một đôi câu chẳng

hạn, đem tới nộp cho thầy sửa, góp những cái ấy lại, để một nơi” (Trương Vĩnh Ký, 1877: 15).

Đây là phương pháp cụ thể mà Trương Vĩnh Ký thiết lập dành cho việc dạy chữ quốc ngữ, nhưng có lẽ đó cũng là cách thức mà ông dùng chung cho cả khi dạy chữ chữ Nho và chữ Pháp.

Về phía người học, để khuyến khích học sinh chăm chỉ học hành, Trương Vĩnh Ký không rao giảng những điều cao xa trừu tượng, mà nói rất thẳng thắn, cụ thể về những lợi ích thực tiễn từ việc học đem lại. Ví dụ một đoạn trong lời mở đầu sách *Manuel des écoles primaires*: “Khuyên các trò hãy bớt tính ham chơi, mà chuyên việc học hành, chữ nghĩa, văn chương cho được vào đường công danh với người ta cho sớm, trước là cho đặng đẹp mặt nở mày cha mẹ, giúp đời dạy dân, sau là cho mình được công thành danh toại, thơm danh, tốt tiếng ở đời” (Trương Vĩnh Ký, 1877). Hay bài lục bát *Khuyên học ca* cũng trong sách này, với những câu:

- Học thì như gắm thêu hoa
 Có văn có chất mới ra lịch người
 - Xưa thì quyền thưởng lộc ban
 Văn chương học đặng tiền ngàn khó mua
 Những người vục nước phò vua
 Cũng đều lấy chữ mà mua tước quờn [quyền]
 (Trương Vĩnh Ký, 1877: 10-12).

Để tăng tính chủ động của người học, Trương Vĩnh Ký có những yêu cầu như: sưu tầm các tác phẩm văn học

dân gian gần gũi thân thiết với người học, lấy đó làm tài liệu giảng dạy. Bản thân ông cũng tích cực sưu tầm trong dân gian và thư tịch cũ, sách vở hiện hành, phiên các tác phẩm Nôm, dịch các tác phẩm Hán văn sang quốc ngữ. Nhìn vào khối lượng và trọng tâm trong các trước tác của Trương Vĩnh Ký, chúng ta cũng phần nào hình dung được niềm say mê, tận tâm của ông dành cho công việc. Về việc này, Trương Vĩnh Ký được người đời sau đánh giá: “Ông đã dâng hiến cả tâm hồn lẫn thể xác cho công việc. Nhưng tất cả đều được sắp xếp thứ tự trong cái đầu có tổ chức của ông và tất cả đều được thúc đẩy bởi cùng một sự hăng hái nhiệt tình” và “để đáp ứng đòi hỏi của công việc dạy học, trong hơn 40 năm, Petrus Ký đã luôn đổi mới kiến thức về ngữ học của ông. Ông theo dõi những tiến bộ không ngừng của ngành ngữ pháp so sánh, đọc tất cả những gì có liên quan đến Hoa ngữ và những ngôn ngữ Đông Dương và tự tạo cho mình một ý kiến có suy luận về những vấn đề đa dạng đó mà với đầu óc sáng suốt ông đã sắp xếp lại có thứ tự rõ ràng” (Nhiều tác giả, 2006: 189, 197).

Tuy nhiên, mục đích cuối cùng của Trương Vĩnh Ký trong phương pháp giáo dục vẫn là hướng đến tinh thần truyền thống phương Đông với nguyên tắc nền tảng là làm sao để giáo dục nên “con người tử tế” theo tiêu chuẩn Nho giáo: “Phép học là trước học *lễ* sau học *văn*; được cả hai ấy mới ra con nhà gia giáo, biết phép

tắc, lễ nghi, cang thường, luân lý, biết chữ nghĩa văn chương, kinh sử truyện tích cổ kim” như ông khẳng định cuối lời “Bảo” đầu số thứ nhất tờ *Thông loại khóa trình*. Đây cũng là quan niệm, lý tưởng nhân sinh của Trương Vĩnh Ký được ông bộc bạch trong di cảo: “Học vi nhân phi học dĩ can lộc 學為人非學以干祿” (học để làm người không học vì lợi lộc) (Hồ sơ Trương Vĩnh Ký, tập 1), đó là tinh thần hướng thượng trong cái học của người xưa mà ông mến mộ tâm đắc.

3. GIÁO TRÌNH CHỮ NHO CỦA TRƯƠNG VĨNH KÝ

Trong số hơn 100 công trình lớn nhỏ, thuộc nhiều thể loại khác nhau do Trương Vĩnh Ký sưu tầm, biên soạn, phiên dịch, chúng ta có thể thấy phần lớn chúng có tính cách là các tài liệu, giáo trình phục vụ trực tiếp cho việc giảng dạy của Trương Vĩnh Ký. Nhiều nhất là tài liệu chữ quốc ngữ, hoặc thuần túy chữ quốc ngữ, hoặc kèm cả chữ Nho, chữ Pháp và dù loại nào thì chúng cũng thường được đặt nhan đề bằng 3 thứ chữ: Nho - Quốc ngữ - Pháp ở bìa sách. Ví dụ tên các tài liệu, giáo trình của Trương Vĩnh Ký liên quan đến chữ Nho được ông trình bày theo thứ tự:

初學問津國語演歌 = Sơ học vấn tân quốc ngữ diễn ca = Répertoire pour les nouveaux étudiants 1884.

訓蒙曲歌 = Huấn môn khúc ca – sách dạy trẻ nhỏ học chữ Nho 1884.

三千字解音 = Tam thiên tự giải âm

字學纂要 = Tự học toát yếu = Livre élémentaire de 3000 caractères usuels,

avec traduction en Annamite vulgaire 1887.

大學 = Đại học = Grande étude: texte en caractères avec transcription en quốc ngữ signification mot à mot, et en regard traduction littérale Traduction en bon Annamite et analyse raisonnée en langue vulgaire 1889.

中庸 = Trung dung = Juste et invariable milieu: textes en caractères chinois avec transcription en quốc ngữ. Signification mot à mot et en regard traduction littérale. Traduction en bon annamite et analyse raisonnée en langue vulgaire 1889.

明心寶鑑 = Minh tâm bửu giám = Le précieux miroir du cœur, texte en caractères traduit et annoté en Annamite 1891-1893.

Và tên tác giả ngoài viết bằng chữ quốc ngữ “P.J.B. Trương Vĩnh Ký” phía dưới luôn kèm chữ Nho: “士載張永記” tức “Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký”.

Các sách in vừa kể trên cũng được xem là các giáo trình chữ Nho thịnh hành đương thời, nhưng thay vì giải thích bằng chữ Nôm, ông giải thích bằng chữ quốc ngữ, có khi kèm cả chữ Pháp. Đây là điều khác biệt quan trọng trong việc biên soạn giáo trình của Trương Vĩnh Ký so với các thầy giáo khác cuối thế kỷ XIX, thậm chí là đầu thế kỷ XX.

Dù là người dịch sách Hán Nôm ra chữ quốc ngữ ngay từ những ngày đầu, nhưng không vì vậy mà các công trình của Trương Vĩnh Ký thể hiện sự sơ sài về nội dung hay hình thức. Trái lại, đó là những công trình được chăm

chút cẩn thận tỉ mỉ từ cách trình bày đến thẩm mỹ, trở thành điển mẫu cho những người đi sau học tập.

Nếu như ở các giáo trình dạy chữ Nho khác chỉ dùng chữ Nôm để trực dịch, hiếm khi có chú thích, giảng giải tường tận trong sách, gây khó khăn cho những người mới nhập môn hoặc không có thầy hướng dẫn, thì đến Trương Vĩnh Ký những khiếm khuyết trong các giáo trình cũ được khắc phục một cách triệt để. Bất kỳ sách nào soạn, phiên dịch từ chữ Nho ra quốc ngữ cũng đều được chú thích, giảng giải tường tận bằng những từ ngữ, cách thức thích hợp nhất, dễ tiếp thu nhất cho người đọc, người học, vì thế cũng mang giá trị tự học rất cao. Một vài đoạn trích lục từ giáo trình của Trương Vĩnh Ký trình bày sẽ minh họa cho điều này.

Sơ học vấn tân là tập giáo khoa do các nhà Nho Việt Nam thời xưa dùng dạy trẻ con nhập môn Nho học, nội dung giới thiệu sơ lược lịch sử Việt Nam, Trung Quốc, cách xử thế và một số lời khuyên dành cho học trò. Hiện các thư viện lớn của Việt Nam như Thư viện Quốc gia, Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm và thư viện Pháp còn giữ được một số bản in năm 1874, 1882 thời Tự Đức và những bản in này đều dùng chữ Nôm dịch giải chữ Hán. Sách *Sơ học vấn tân quốc ngữ điển ca* của Trương Vĩnh Ký in năm 1884, tức thuộc về giai đoạn này, nhưng không phải dùng chữ Nôm để dịch giải chữ Hán, mà dùng chữ quốc ngữ và chữ Pháp để phiên âm,

dịch, chú thích và giảng giải bằng cả thơ lục bát và văn xuôi để người đọc

hiểu tường tận chữ nghĩa trong sách. Ví dụ trang đầu tiên:

地	Địa đất terre	子	Tí <i>hội tí</i>	盤	Bàn	混	Hỗn
關	Tịch <i>mở</i> ouvrir	會	Hội <i>hội</i> réunion	古	Cổ <i>vua Bàn Cổ</i> n.p	茫	Man <i>đời hỗn man</i> chaos
於	Ư <i>chung</i> à, dans	開	Khai <i>mở</i> ouvrir	首	Thủ <i>đầu</i> tête	之	Chi <i>chung</i> de
丑	Sửu <i>hội sửu</i>	天	Thiên <i>trời</i> ciel	出	Xuất <i>ra</i> sortir	初	Sơ <i>xưa</i> (¹)
地	Địa	天	Thiên	始	Thỉ <i>mới</i> commencer	未	Vị <i>chưa</i> pas encore
皇	Hoàng <i>vua Địa Hoàng</i> n.p	皇	Hoàng <i>vua Thiên Hoàng</i> n.p	判	Phán <i>rẽ</i> séparer	分	Phân <i>chia</i> diviser
出	Xuất <i>ra</i> sortir	御	Ngự <i>trị</i> régir	陰	Âm <i>khí âm</i>	天	Thiên <i>trời</i> ciel
焉	Yên <i>vậy</i> ainsi	世	Thế <i>đời</i> monde	陽	Dương <i>khí dương</i>	地	Địa <i>đất</i> terre

Sách rằng: Sơ học vấn tân,
Dạy khuyên con nít kiến văn tỏ tường.
Chung khi đời gọi hỗn hoang,
Trên trời đất dưới huỳnh hoàng chữa phân;
Sinh ra Bàn Cổ thủ quân,
Khí âm dương mới dần dần phân hai;
Tí sơ hội mở ra trời,
Có Thiên Hoàng thị trị trời ra ngay;
Đất thì mở hội sửu này,
Địa Hoàng ra trị định nay tam thần.

MỚI HỌC HỎI BẾN

Chung xưa đời hỗn hoang, chưa chia trời đất; vua Bàn Cổ sinh ra, mới rẽ khí âm khí dương; hội tí mở trời, vua Thiên Hoàng trị đời; đất mở chung hội sửu, vua Địa Hoàng sinh ra vậy.

(¹) Commencement.

Ở loại sách nhập môn chữ Nho dành cho người mới học, ngoài *Sơ học vấn tân quốc ngữ diễn ca* và *Huấn môn khúc ca* chúng tôi chưa tìm được, Trương Vĩnh Ký còn phiên dịch chú giải *Tam tự kinh quốc ngữ diễn ca*. Nhưng vì chưa tìm được bản gốc, nên chúng tôi tạm dẫn một đoạn từ sách *Trương Vĩnh Ký* (Khổng Xuân Thu, 1957: 90) để giới thiệu cách dịch của ông đối với tập sách này:

- Người sanh xưa
Tánh vốn lành
Tánh cùng gần tận
Tập thành xa khơi

- Nuôi chẳng dạy
Lỗi vì cha
Dạy không nghiêm
Ấy trễ ra bởi thầy.

Minh tâm bửu giám như lời giới thiệu của Trương Vĩnh Ký “là một quyển sách gộp nhặt những lời vàng tiếng ngọc của các bậc hiền triết hoặc danh nhân thời xưa đã nói trong các kinh điển hay sách vở (vào cuối đời nhà Nam Tống), ngõ hầu để cho người đời

sau học lấy và xem đó như là tấm *gương báu để soi sáng lòng người*” (Trương Vĩnh Ký, 1893). Hiện tại các thư viện lớn nước ta còn giữ được các bản *Minh tâm bửu giám thích nghĩa* in năm 1887 thời Đồng Khánh, năm 1907 thời Thành Thái, năm 1924 thời Khải Định do các nhà Nho Việt Nam dùng chữ Nôm diễn giải nguyên tác Hán văn.

Bản in *Minh tâm bửu giám* năm 1893 của Trương Vĩnh Ký gồm hai tập⁽³⁾, đầu mỗi tập có phần “cương mục” tóm tắt nội dung các thiên trong sách cho người đọc biết đại khái trước. Trong phần nội dung, thứ tự trình bày được Trương Vĩnh Ký sắp xếp lần lượt: trang bên trái gồm: nguyên văn chữ Hán - phiên âm chữ quốc ngữ Hán Việt ngay dưới mỗi chữ Hán phía trên; trang bên phải: nghĩa đen - nghĩa xuôi. Hai trang sắp xếp đối xứng tương ứng với nhau rất rõ ràng để người đọc tiện theo dõi, đối chiếu, cứ như vậy từ trang đầu đến trang cuối. Ví dụ một đoạn đầu tập 2:

Trang bên trái:

省	心	篇	第	十	一					
TỈNH	TÂM	THIÊN	ĐỆ	THẬP	NHỨT					
1.	資	世	通	訓	云	陰	法	遲	而	不
	Tư	thế	thông	huấn	vân:	âm	pháp	trì	nhi	bất
陽	憲	近	而	有	逃	陽	網	疏	而	易
dương	hiển	cận	nhi	hữu	đào;	dương	võng	sơ	nhi	dị
陽	資	世	通	訓	云	陰	法	遲	而	不
陰	網	密	而	難	逃					
âm	võng	mật	nhi	nan	đào					

Trang bên phải:

[THIÊN THỨ XI

Xét lòng

Nghĩa đen – Bài *Tư thế thông huấn* rằng: Phép thần (trời) chậm mà chẳng lọt, phép tổ (vua) gần mà có trốn; lưới vua thưa mà dễ lọt, lưới trời nhặt mà khó trốn.

Nghĩa xuôi – *Tư thế thông huấn* nói rằng: Phép trời (đời sau) tuy là chậm (còn xa) mà chẳng lọt khỏi được; chớ phép vua (đời nay) nhặt nhiệm lạ gần gần một bên mình mặc lòng, mà còn có lẽ trốn khỏi được: lưới vua (đời này) thì thưa nên dễ lọt, chớ lưới trời (đời sau) thì dày nên khó trốn.]

Năm 1889, Trương Vĩnh Ký xuất bản hai công trình dịch thuật chú giải thuộc kinh điển quan trọng nhất của Nho gia là *Đại học* và *Trung dung* (mà ông gọi là *Trung dung*) trong bộ *Tứ thư*. Theo Phan Văn Các (2002) trong *Ngữ văn Hán Nôm – tập 1: Tứ Thư*, thì bản dịch quốc ngữ của sách *Đại học* và *Trung dung* được kể chỉ gồm: *Khổng học đặng* của Phan Bội Châu (1929), *Tứ thư* của Đoàn Trung Còn (“trước 1975”). Như vậy, có thể Phan Văn Các đã không tìm thấy bản dịch quốc ngữ *Đại học* và *Trung dung* của Trương Vĩnh Ký đã ra đời từ cuối thế kỷ XIX, trước Phan Bội Châu đến 40 năm, sớm hơn cả một số bản diễn

Nôm như *Trung dung điển ca* của Phạm Thiếu Du (1891), *Đại học tích nghĩa* và *Trung dung thuyết ước* của Lê Văn Ngữ (1927).

Mở đầu sách *Đại học*, ở trang thứ nhất Trương Vĩnh Ký giới thiệu đại cương bố cục và nội dung sách với 10 chương: Minh minh đức, Tân dân, Chỉ ư chí thiện, Bản mật tử chung, Trí tri cách vật, Thành ý, Chánh tâm, Tu thân, Tề gia, Trị quốc; trong đó 3 điều đầu là cốt yếu nhất. Ông tự đặt ra câu hỏi: “Sách *Đại học* dạy là dạy ai? Dạy giống gì?” và ngay sau đó là phần trả lời chi tiết, có thể tóm tắt ở hai câu đầu: “Sách dạy là dạy người ta nghĩa là chung hết mọi người. Dạy người ta phải lấy việc sửa mình làm gốc trau mình, mình là tu hơn tích đức cho ngay thẳng theo lẽ trời, theo tánh tự nhiên”. Trang thứ hai phần giới thiệu, Trương Vĩnh Ký nói về nguồn gốc và tác giả sách *Đại học* và yếu nghĩa của các chương mục.

Về phương pháp trình bày văn bản, Trương Vĩnh Ký xếp đặt nguyên tác Hán văn và phiên âm kèm dịch nghĩa từng chữ vào trang chẵn, trình bày theo lối cổ từ trên xuống dưới, từ phải qua trái; trang lẻ gồm 3 phần: nghĩa đen, nghĩa trắng, lý rất chi tiết rành mạch. Hình thức này thống nhất xuyên suốt sách. Ví dụ 2 trang đầu:

之	Chi	門	Môn	子	Tử	大	Đại
	<i>chung</i>		<i>cửa</i>		<i>thầy</i>		
存	Tồn	也	Đã	程	Trình	學	Học
	<i>còn</i>		<i>vậy</i>		”		
論	Luận	於	Ư	子	Tử		

	sách		nơi		”			
孟	Mạnh	今	Kim	曰	Viết			
	sách		nay		rằng			
子	Thứ	可	Khả	大	Đại			
	kế		khá		cả			
次	Chi	見	Kiến	學	Học			
	đó		thấy		”			
之	Học	古	Cổ	孔	Khổng			
	”		xưa		”			
學	Giả	人	Nhơn	氏	Thị	朱	Châu	
	ấy		người		họ			
者	Tất	為	Vi	之	Chi	熹	Hi	
	ất		làm		chung			
必	Do	學	Học	遺	Di	章	Chương	
	bởi		”		để			
由	Thị	次	Thứ	書	Thơ	句	Cú	
	ấy		”		sách			
是	Nhi	第	Đệ	而	Nhi			
	mà		bậc		mà			
而	Học	者	Giả	初	Sơ			
	”		ấy		xưa			
學	Yên	獨	Độc	學	Học			
	vậy		một		”			
焉	Tác	賴	Lại	入	Nhập			
	thì		nhờ		vào			
則	Tác	此	Thử	德	Đức			
	thì		ấy		”			
庶	Thứ	篇	Thiên	之	Chi			
	ngõ hầu		”		chung			

NGHĨA ĐEN:

Sách Đại-học.

CHƯƠNG CÚ CỦA ÔNG CHÂU HI LÂM

Thầy Trình Tử rằng: Sách *Đại học* chung sách để lại họ Khổng, mà kẻ mới học chung cửa vào đức vậy. Nơi nay khá thấy người xưa làm học thứ lớp ấy, một nhờ thiên này chung còn, mà sách *Luận* sách Mạnh sau đó; kẻ

học ấy ắt bởi ấy mà học vậy, thời ngô vậy.

NGHĨA TRẮNG:

Sách Đại-học.

CHƯƠNG CÚ CỦA ÔNG CHÂU HI PHÂN RA

Thầy Trình-tử nói rằng: Sách *Đại-học* là sách của ông Khổng-tử để truyền lại; sách ấy là như cái cửa để mà vào đường đức cho kẻ mới học vậy. Đòi

nay coi đó mà coi thì thấy người đời xưa nguyên nhờ cái thiên này còn lại mà làm thứ-lớp mà học. Mà sách Luận-ngữ sách Mạnh-tử lấy đó làm trước mà kể theo sau; kể học cứ theo đó mà học.

LÝ:

Sách *Đại-học* là sách nguyên làm cho kẻ lớn học, cho nên kêu là *đại-học*. Nhờ thầy Trình-tử cứ kinh-văn mà sắp lại có thứ tự vì trước lộn thể đi. Vậy thầy Trình-tử nói rao rằng:

Sách *Đại-học* này nguyên là sách của ông Khổng-tử làm ra, mà để lại. Sách này nó làm như cái cửa cho kẻ mới học được vô đường đức vậy. Nay xét lại mà coi; người đời xưa muốn làm ra thứ lớp mà học thì thật nhờ có cái sách này còn lại mà làm trước, rồi sách *Luận-ngữ*, sách *Mạnh-tử* mới kể theo sau. Cho nên kẻ học thì lấy đó làm đầu kéo lộn thứ⁽⁴⁾.

Trong sách này, Trương Vĩnh Ký còn làm một bài lục bát khuyên về việc học hành kinh điển của người xưa và tâm sự của người làm sách.

Sách *Trung dong* của Trương Vĩnh Ký cũng theo nguyên tắc trình bày thống nhất với sách *Đại học* kể trên. Trước khi đi vào dịch giải nguyên văn, ông viết lời dẫn về “Cương sách *Trung dong*” trình bày vắn tắt nguồn gốc của sách, nội dung các chương mục, tóm tắt các điều trên thành bài lục bát *Trung dong đoản ca* kèm lời khuyên người học gắng công dốc chí vào việc học. Bên trang diễn giải của sách này cũng giống sách *Đại học*, chỉ đổi khác chút ít là thay từ “nghĩa

đen” thành “nghĩa nghe sách”, “nghĩa trắng” thành “nghĩa nói xuôi”, “lý” thành “giảng lý”. Đặc biệt, cuối sách *Trung dong*, Trương Vĩnh Ký viết thêm 2 trang đặt đề là “Can án” để lưu ý người đọc sách không nên quá câu nệ vào chữ nghĩa tiểu tiết trong kinh sách như chỗ ngắt câu, cách phiên âm mà bỏ mất cái nghĩa chung của sách.

Có thể nói học báo *Thông loại khóa trình* 通類課程 (nhân đề tiếng Pháp: *Miscellanées ou lectures instructives pour les élèves des écoles primaires, communales et cantonales*, sau đổi tên thành *Sự loại thông khảo* 事類通考) ra đời năm 1888-1889, được xem là chuyên san văn hóa - giáo dục bằng chữ quốc ngữ đầu tiên của Việt Nam, cũng là một tài liệu, giáo trình dạy chữ Nho quan trọng của Trương Vĩnh Ký. Ngay tên gọi của tờ báo và lời giới thiệu, Trương Vĩnh Ký đã nói rõ tờ báo này hướng đến là tài liệu học tập dành cho học sinh tiểu học. Ngoài những tên thực vật, động vật, nhân vật, điển tích, điển cố, câu chuyện, câu đố rải rác thường xuyên ở mỗi số báo được Trương Vĩnh Ký cho ấn hành nguyên văn chữ Nho và diễn giải cặn kẽ, ông còn mở hẳn mục “Giải câu chữ Nho” trong học báo này, như một cách truyền dạy Nho văn cho độc giả. Như mục “Giải ít câu chữ Nho, ít tiếng tục Nôm” trong *Thông loại khóa trình*, số thứ nhất:

1. 孝弟之子可以為家寶

Hiếu đễ chi tử, khả dĩ vi gia bảo = Con chung có hiếu đễ, khá lấy làm báu

nhà = Con mà biết thảo kính cha mẹ, biết thuận thảo anh em, thì nên lấy làm của báu trong nhà vậy. Vì:

2. 寶貨用之有盡忠孝享之無窮

Bửu xi [âm thông dụng là *hóa*] *dụng chi hữu tận, trung hiếu hưởng chi vô cùng* = Cửa báu dùng đó có hết, trung hiếu hưởng đó không cùng = Cửa báu quý dùng thì còn có hết, chớ lòng ngay thảo thì hưởng không cùng.

3. 盛名必有重責大功必有奇窮

Thạnh danh tất hữu trọng trách, đại công tất hữu kì cùng = Danh thịnh ắt có trách nặng, công to ắt có cùng lạ. Nghĩa là chức càng cao thì tội càng nặng, công càng dày thì cùng càng lạ. Hễ càng làm chức lớn thì cái qui trách mình lại càng nặng nề, hễ có công nhiều như công phò vua vực nước chống ngã đỡ xiêu thì cái chung cuộc mình nó cũng lạ: Càng cao thì gió càng lay, tục hay nói: lớn thuyền lớn sóng.

Các câu chữ Nho được Trương Vĩnh Ký trích lục đưa vào đây thường là những danh ngôn, cách cú trong sử sách kinh điển Nho giáo, như các câu trên có nguồn gốc từ sách *Minh tâm bửu giám* đã giới thiệu ở trên. Câu chữ Nho in đầu mỗi số báo: 常把一心行正道 (thường bả nhất tâm hành chánh đạo: thường nắm một lòng làm đạo chính) cũng là châm ngôn giáo dục hướng đến tinh thần Nho giáo của Trương Vĩnh Ký. Dựa vào câu ca dân gian: “Nhứt trình Vĩnh Ký đặt ra, Chép làm một bồn để mà coi chơi”, có thể đoán *Thông loại khóa trình* từng phổ

biến trong dân chúng không chỉ bằng các tập in ấn mà còn bằng cách truyền tay chép.

Các tài liệu, giáo trình kể trên của Trương Vĩnh Ký xét về phương diện dịch thuật, xứng đáng được xem là những bản dịch tốt từ chữ Nho ra quốc ngữ. Bởi ông đã làm được hai vấn đề khá nan giải trong phiên dịch học: vừa dịch sát từng chữ của bản gốc, tôn trọng tác giả và văn bản nguồn một cách tối đa bằng cách in cả nguyên văn, phiên âm, dịch ra nghĩa đen, nghĩa xuôi theo cấu trúc ngôn ngữ nguồn; lại vừa dịch theo kiểu diễn giải, chú thích chi tiết, chuyển thể thành thơ ca hướng đến ngôn ngữ đích sao cho đạt hiệu quả cao nhất ở phương diện người tiếp nhận, tức là tính “khả đọc” (dễ đọc), tôn trọng người đọc. Vì vậy, có thể nói Trương Vĩnh Ký là dịch giả tiên phong ở Nam Kỳ.

4. MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH

Cuộc đời Trương Vĩnh Ký đúng như tên gọi của ông (Chánh Ký 正記, Vĩnh Ký 永記), là một hành trình không ngừng nghỉ trong việc học tập, ghi chép, biên soạn, dịch thuật, ông cũng xem việc làm của mình là trách nhiệm mà kẻ sĩ phải gánh vác (Sĩ Tải 士載). Phương pháp giáo dục hay các tài liệu, giáo trình chữ Nho mà Trương Vĩnh Ký biên soạn, dịch thuật đều xuất phát từ quan điểm giáo dục trọng luân lý đạo đức Nho giáo truyền thống và ý thức chủ động trong việc nỗ lực cải cách đổi mới giáo dục của ông. Sự tận tâm gắng sức của Trương Vĩnh Ký

đối với giáo dục đã được các tài liệu viết về Trương Vĩnh Ký dẫn ra khá cụ thể. Tuy vậy cũng có một vài ý kiến phê phán, thậm chí đánh giá thấp việc làm này của ông. Ví dụ trong một bức thư của Nguyễn Háo Vĩnh chỉ trích báo *Nam Phong* mà ca ngợi Trương Vĩnh Ký: “Khi nhà nước Langsa qua giao thông với nước ta thì trong cõi Nam Kỳ nổi lên một người là ông Trương Vĩnh Ký mượn cái xác Latin mà dựng cái hồn của tiếng An Nam còn sót lại. Cái xác Latin ấy là chữ quốc ngữ bây chừ!”. Chủ bút *Nam Phong* là Phạm Quỳnh cho đăng bài, nhưng viết thêm chú thích: “Ông Trương chẳng qua là một nhà làm sách giáo khoa thường cho con nít học mà thôi, đã có công nghiệp gì với tổ quốc, đã từng bao giờ đem cái xác ‘la-tinh’ mà dựng hồn Nam Việt? Chẳng dám khinh gì người trước, nhưng những bậc danh sĩ nước Nam cứ như ông Trương cả thì cũng không lấy gì làm vẻ vang cho nước lắm” (*Nam Phong*, 1918, số 16). Xét theo khía cạnh khác, nhận xét của Phạm Quỳnh cũng cho thấy loại tài liệu, giáo trình tiểu học của Trương Vĩnh Ký đương thời được lưu truyền một cách rộng rãi.

Nhiều học trò của Trương Vĩnh Ký ở miền Nam đã thành danh như Trương Minh Ký, Diệp Văn Cương, Nguyễn Trọng Quản. Trong đó, Trương Minh Ký là người theo sát thầy nhất ở lĩnh vực giáo dục. Xem các giáo trình chữ Nho của Trương Vĩnh Ký, chúng ta vẫn thường thấy cái tên Trương Minh

Ký dưới các bài diễn Nôm phần dịch thuật và chú giải của Trương Vĩnh Ký, bản thân Trương Minh Ký cũng tích cực biên soạn, dịch thuật các tài liệu, giáo trình tiểu học, trong đó có những sách dạy chữ Nho như *Ấu học khai môn*, *Hiếu kinh diễn nghĩa*, *Hán học tân lương* theo phương pháp và tinh thần của Trương Vĩnh Ký.

Mục tiêu cuối cùng của việc giảng dạy chữ Nho của Trương Vĩnh Ký không phải nằm ở chữ Nho. Hơn ai hết trong thời đại của mình, ông hiểu rõ vận mệnh của chữ Nho khi chế độ phong kiến sụp đổ; thứ văn tự mà ông dồn nhiều tâm huyết hoàn thiện và trao truyền cho thế hệ mai sau là chữ quốc ngữ - loại hình văn tự mà ông đã nhận thấy rõ tương lai rục rờ và chính là phương tiện hữu hiệu nhất để phát triển văn hóa nước nhà. Những nỗ lực truyền bá chữ Nho của Trương Vĩnh Ký xét kỹ thực ra cũng là nhằm quảng bá và hoàn thiện chữ quốc ngữ, như ông từng phát biểu: “Chữ quốc ngữ phải trở thành quốc gia văn tự vì phúc lợi và sự tiến bộ. Vậy người ta phải tìm cách quảng bá thứ chữ viết này bằng mọi phương tiện” (dẫn theo Nhiều tác giả, 2006: 196).

Song đối với Trương Vĩnh Ký, chữ Nho không đơn thuần chỉ là một phương tiện để phát triển chữ quốc ngữ, mà tình yêu cùng tâm huyết, sức lực ông dành cho nó chứng tỏ ông tin rằng, bản thân chữ Nho bao hàm những ý nghĩa giá trị đạo lý sâu sắc được tích lũy trao truyền qua nhiều đời, trở thành một phần truyền thống

mà chúng ta không thể đoạn tuyệt hoàn toàn. Cho nên đối với Trương Vĩnh Ký, chữ Nho thực sự là một phương tiện quan trọng giúp những người sống trong thời đại mới ít ra không bị mất liên lạc hoàn toàn với

truyền thống. Và vì vậy, chúng ta có thể hiểu tại sao người Nam Bộ không chỉ xem Trương Vĩnh Ký là ông thầy dạy chữ Nho, mà còn xem Trương Vĩnh Ký là “ông thầy đạo lý”⁽⁵⁾ của phương Nam. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Các câu được dẫn: “Bần nhi vô xiêm, phú nhi vô kiêu; Nhơn tham tài tử, điều tham thực vong; Cơ hàn thiết thân, bất cố liêm sỉ; Tự tiên trách kỷ, nhi hậu trách nhân; Hàm huyết phun nhơn, tiên ô ngã khẩu; Tích thiện phùng thiện, tích ác phùng ác; Cận châu giả xích, cận mặc giả hắc; Đãn hoạn vô tài, bất hoạn vô dụng”. Dịch ra nghĩa là: “Nghèo mà không nịnh, giàu mà không kiêu; Người tham của thì chết, chim tham ăn thì mất; Đói rét thiết đến thân, không đoái tới liêm sỉ; Trước tự trách mình, rồi sau trách người; Ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình; Trữ thiện gặp thiện, trữ ác gặp ác; Gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen; Chỉ lo không có tài, chẳng lo không được dùng” (theo Nguyễn Văn Trấn, 1993, tr. 213-124).

⁽²⁾ Về tài liệu tham khảo phương pháp của Tây phương, theo Nguyễn Văn Trung, 1993: 24), trong một bức thư gửi Paul Bert, “Trương Vĩnh Ký có nói đã sử dụng phương pháp riêng của ông dựa trên phương pháp của Robertson và Ollendoff” trong việc dạy tiếng Pháp và chữ quốc ngữ cho vua Đồng Khánh.

⁽³⁾ Chúng tôi mới tìm được tập 2 in năm 1893, còn tập 1 tạm tham khảo trong bản in lại của Hoa Tiên năm 1968 (gộp 2 tập chung vào 1 quyển).

⁽⁴⁾ Trang này chúng tôi chép lại giữ nguyên hình thức từ ngữ của Trương Vĩnh Ký đương thời, các chỗ khác chỉnh theo chính tả hiện hành.

⁽⁵⁾ Lời của Trần Chánh Chiếu – thủ lĩnh phong trào Minh Tân ở Nam Bộ đầu thế kỷ XX (dẫn lại từ Hồ Tường, 2016).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đặng Thai Mai. 1985. *Hồi ký*. Hà Nội: Nxb. Tác phẩm mới.
2. Hồ Tường. 5/01/2016. “Những bức tượng nhà bác học P. Ký tại Sài Gòn đang ở đâu?”. <https://tuoitre.vn>, truy cập ngày 01/01/2020.
3. Hồ sơ Trương Vĩnh Ký. Tập 1, chữ viết tay, không ghi số trang. Thư viện Khoa học Xã hội, ký hiệu: TLTVK 01.
4. Khổng Xuân Thu. 1958. *Trương Vĩnh Ký*. Sài Gòn: Tân Việt xuất bản.
5. Ng.H.V. 1918. “Thư ngỏ cho Chủ bút Nam Phong”. *Nam Phong*, số 16.
6. Nguyễn Văn Trấn. 1993. *Trương Vĩnh Ký (con người và sự thật)*. TPHCM: Nxb. TPHCM.
7. Nguyễn Văn Trung. 1993. *Trương Vĩnh Ký – nhà văn hóa*. Nxb. Hội Nhà văn.
8. Nhiều tác giả. 2006. “Thế kỷ XXI nhìn về Trương Vĩnh Ký”. TPHCM: Tạp chí *Xưa và*

Nay - Nxb. Văn hóa Sài Gòn.

9. Trần Lê Sáng (chủ biên). 2002. *Ngữ văn Hán Nôm* - tập 1: *Tứ thư*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

10. Trương Vĩnh Ký chép ra quốc ngữ dẫn giải. 1884. *Sơ học vấn tân quốc ngữ điển ca*. Sài Gòn: Imprimerie C.Guilland et Martinon.

11. Trương Vĩnh Ký. 1875. *Cours D'histoire Annamite*. Saigon: Imprimerie du Gouvernement.

12. Trương Vĩnh Ký. 1877. *Manuel des écoles primaires*. Saigon: Imprimerie du Gouvernement.

13. Trương Vĩnh Ký. 1888-1889. *Thông loại khóa trình - Sự loại thông khảo*. Sài Gòn: Imprimerie Ray, Curiol.

14. Trương Vĩnh Ký. 1889. *Tứ thư: Đại học*. Sài Gòn: Imprimerie Ray, Curiol & Cie.

15. Trương Vĩnh Ký. 1889. *Tứ thư: Trung đong*. Sài Gòn: Imprimerie Ray, Curiol & Cie.

16. Trương Vĩnh Ký. 1893. *Minh tâm bửu giám* - tập 2. Sài Gòn: Imprimerie Ray, Curiol & Cie.

17. Trương Vĩnh Ký. 1968. *Minh tâm bửu giám* - toàn bộ. Sài Gòn: Hoa Tiên tái bản và phát hành.